

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SAM HOLDINGS

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)

M.S.C.N. 2



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 39
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1998, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Phương Xuân Thụy	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Hồ Anh Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Vũ Đức Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
Ông Chu Đức Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2020
Bà Lê Thị Lan Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Thanh Thúy	Trưởng ban
Bà Chung Thị Kiều Ngân	Thành viên
Ông Hoàng Giang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Việt Anh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SAM Holdings**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SAM Holdings được lập ngày 22 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SAM Holdings tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

000
NHÂN
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
AASC
TP. HỒ CHÍ MINH

AM H
A
S
53 F

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần SAM Holdings cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 08 năm 2019 và ngày 23 tháng 03 năm 2020.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		691.504.507.415	712.961.896.045
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	5.158.122.800	55.571.016.531
111	1. Tiền		5.158.122.800	55.571.016.531
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	58.273.615.337	187.250.670.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh		58.567.429.217	343.537.744.467
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(293.813.880)	(156.287.073.560)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		626.125.364.357	468.338.154.876
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	05	34.000.000.000	27.000.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	06	592.125.364.357	441.338.154.876
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.947.404.921	1.802.053.731
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		69.968.399	11.172.727
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		334.730.064	248.174.546
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	08	1.542.706.458	1.542.706.458
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.107.506.584.023	2.883.435.592.351
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.516.978.880	1.516.978.880
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	1.516.978.880	1.516.978.880
220	II. Tài sản cố định		2.467.737.014	93.462.464
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	2.467.737.014	93.462.464
222	- Nguyên giá		16.144.456.571	15.674.093.480
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.676.719.557)	(15.580.631.016)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		697.830.000	697.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(697.830.000)	(697.830.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	3.100.520.561.534	2.881.306.188.714
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.888.888.892.000	1.888.888.892.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		692.700.970.000	692.700.970.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		766.524.800.000	482.900.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(247.594.100.466)	(183.183.673.286)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.001.306.595	518.962.293
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		205.611.899	372.629.497
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.a	2.795.694.696	146.332.796
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.799.011.091.438	3.596.397.488.396

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.172.641.391.146	1.027.497.443.831
310	I. Nợ ngắn hạn		1.172.261.391.146	1.026.967.443.831
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		222.636.842	2.611.600
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	08	86.950.677	87.761.638
314	3. Phải trả người lao động		615.113.842	633.144.655
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	2.752.758.948
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10	1.900.000.000	1.900.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	09	1.103.345.770.819	901.785.947.087
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	63.501.388.300	118.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.589.530.666	1.805.219.903
330	II. Nợ dài hạn		380.000.000	530.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	09	380.000.000	530.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.626.369.700.292	2.568.900.044.565
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	2.626.369.700.292	2.568.900.044.565
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.565.045.400.000	2.565.045.400.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>2.565.045.400.000</i>	<i>2.565.045.400.000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		142.970.000	142.970.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.181.330.292	3.711.674.565
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>2.911.363.802</i>	-
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>58.269.966.490</i>	<i>3.711.674.565</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.799.011.091.438	3.596.397.488.396

Lý Thị Nhã Hạnh
Người lập

Võ Nữ Từ Anh
Kế toán trưởng

Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	2.779.999.999	430.000.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.779.999.999	430.000.000
11	4. Giá vốn hàng bán	15	-	58.228.752
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.779.999.999	371.771.248
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	27.552.908.763	88.155.369.414
22	7. Chi phí tài chính	17	(33.672.069.228)	62.202.980.009
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.710.344.215	48.687.030.218
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	8.380.944.496	9.323.338.405
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.624.033.494	17.000.822.248
31	11. Thu nhập khác		-	60.765.982
32	12. Chi phí khác		3.428.904	-
40	13. Lợi nhuận khác		(3.428.904)	60.765.982
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.620.604.590	17.061.588.230
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	485.021.544
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.b	(2.649.361.900)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>58.269.966.490</u>	<u>16.576.566.686</u>



Lý Thị Nhã Hạnh
Người lập



Võ Nữ Từ Anh
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.620.604.590	17.061.588.230
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		62.203.632	129.733.998
03	- Các khoản dự phòng		(91.582.832.500)	11.572.019.122
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.594.961.229)	(52.544.411.460)
06	- Chi phí lãi vay		4.710.344.215	50.190.701.449
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(58.784.641.292)	26.409.631.339
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(155.064.437.601)	(156.848.474.808)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		168.228.157.462	55.203.837.329
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		108.221.926	(226.446.792)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		1.345.515.250	97.995.673.350
14	- Tiền lãi vay đã trả		25.919.746.575	(46.313.698.588)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.138.353.324)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.000.000)	(55.823.452)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.263.437.680)	(24.973.654.946)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.436.478.182)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(28.200.000.000)	(29.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.200.000.000	22.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(652.400.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.694.724.740	33.539.978.622
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.349.155.649	25.387.578.622
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		87.001.388.300	158.800.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(141.500.000.000)	(156.277.922.914)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.483.140)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(54.498.611.700)	2.520.593.946


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(50.412.893.731)	2.934.517.622
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.571.016.531	9.882.861.607
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>5.158.122.800</u>	<u>12.817.379.229</u>


Lý Thị Nhã Hạnh
Người lập


Võ Nữ Từ Anh
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SAM Holdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1998, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 2.565.045.400.000 đồng; tương đương 256.504.540 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng, bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp);
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh sân golf;
- Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ kế toán 06 tháng 2020, hoạt động chính của Công ty chủ yếu vẫn là đầu tư tài chính. Theo Nghị quyết số 22B/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2020 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã quyết định thay đổi mục đích đầu tư vào Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần từ kinh doanh chứng khoán ngắn hạn sang đầu tư nắm giữ cổ phiếu dài hạn để nhận cổ tức. Việc này làm cho số dư khoản mục chứng khoán kinh doanh tại thời điểm cuối kỳ giảm 82,95% và số dư khoản mục đầu tư tài chính dài hạn khác tăng 58,73% so với đầu kỳ. Đồng thời, Công ty hoàn nhập khoản dự phòng đã trích lập tại thời điểm 01/01/2020 với số tiền 156,066 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh kỳ này làm cho khoản mục Chi phí tài chính kỳ này giảm mạnh so với cùng kỳ trước.

Mặt khác, trong kỳ do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết, dẫn đến cổ tức lợi nhuận được chia cho Công ty giảm 52% so với cùng kỳ trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	6 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
- Thương hiệu	3 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

- Hợp đồng BCC với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia và các cá nhân: trong đó Công ty là bên nhận tiền đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Hợp đồng BCC với các cá nhân: trong đó Công ty là bên đưa tiền đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

354
NH
3 TY
KIẾ
AA
7-TP
/A
/5

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.158.122.800	55.571.016.531
	<u>5.158.122.800</u>	<u>55.571.016.531</u>

Công ty Cổ phần SAM Holdings

152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	-	-	-	283.624.800.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai ⁽²⁾	49.445.997.910	56.954.690.000	-	49.445.997.910
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	7.243.518.147	7.243.518.147	-	7.243.518.147
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	1.385.836.600	1.534.929.120	-	1.385.836.600
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ⁽³⁾	-	-	-	1.345.515.250
- Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	492.076.560	198.262.680	(293.813.880)	492.076.560
				271.803.000
				(220.273.560)
	58.567.429.217	65.931.399.947	(293.813.880)	343.537.744.467
				197.813.794.987
				(156.287.073.560)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 31/12/2019 và 30/06/2020.

⁽¹⁾ Trong kỳ, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thay đổi mục đích đầu tư đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP từ kinh doanh mua bán chứng khoán ngắn hạn sang đầu tư góp vốn dài hạn theo Nghị quyết số 22B/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2020. Theo đó, tại thời điểm 30/06/2020, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư đã trích lập tại thời điểm 01/01/2020 với giá trị 156,066 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh trong kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020.

⁽²⁾ Một phần cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng của công ty con - Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao.

⁽³⁾ Số lượng 15.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã được Công ty chuyển nhượng trong kỳ.



Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Công ty Cổ phần SAM Holdings
 152/1B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	30/06/2020		01/01/2020	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		1.888.888.892.000	(176.874.898.637)	1.888.888.892.000	(163.155.226.367)
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm		897.300.000.000	(174.260.560.055)	897.300.000.000	(163.155.226.367)
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom		499.600.000.000	-	499.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	SLD	301.988.892.000	-	301.988.892.000	-
- Công ty TNHH Sacom Chip Sáng		118.000.000.000	-	118.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ Cao		72.000.000.000	(2.614.338.582)	72.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết		692.700.970.000	(57.219.201.829)	692.700.970.000	(6.528.446.919)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	DSP	534.052.970.000	(50.531.806.069)	534.052.970.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt		155.500.000.000	(5.331.509.009)	155.500.000.000	(5.182.615.273)
- Công ty Cổ phần Capella Việt Nam		3.148.000.000	(1.355.886.751)	3.148.000.000	(1.345.831.646)
Đầu tư vào đơn vị khác		766.524.800.000	(13.500.000.000)	482.900.000.000	(13.500.000.000)
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	PRT	398.400.000.000	-	398.400.000.000	-
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (*)	DVN	283.624.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngân hàng nước DNP		67.500.000.000	-	67.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam		13.500.000.000	(13.500.000.000)	13.500.000.000	(13.500.000.000)
- Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện		3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vietferm		500.000.000	-	500.000.000	-
Tổng cộng		3.348.114.662.000	(247.594.100.466)	3.064.489.862.000	(183.183.673.286)

(*) Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 4a.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyển Lâm	Tỉnh Lâm Đồng	99,75%	99,75%	Kinh doanh khu du lịch,
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Tỉnh Đồng Nai	99,92%	99,92%	Sản xuất dây cáp
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Thành phố Hồ Chí Minh	74,99%	74,99%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	73,75%	73,75%	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ Cao	Tỉnh Đắk Nông	72,00%	72,00%	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	34,96%	34,96%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Phát triển hạ tầng
- Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	31,48%	31,48%	Tổ chức sự kiện và quảng cáo

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Công ty Cổ phần SAM Holdings
 152/1B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 25.

Đầu tư vào đơn vị khác Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Tỉnh Bình Dương	8,00%	8,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Hà Nội	4,98%	4,98%	Kinh doanh dược phẩm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Tỉnh Bắc Giang	2,53%	2,53%	Kinh doanh ngành nước
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam	Hà Nội	0,11%	0,11%	Xây dựng hạ tầng
- Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện	Hà Nội	3,08%	3,08%	Dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Vietferm	Hà Nội	5,00%	5,00%	Sản xuất thực phẩm

5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm ⁽¹⁾	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sam nông nghiệp công nghệ cao ⁽²⁾	7.000.000.000	-	-	-
	<u>34.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>-</u>
b) Phải thu về cho vay các bên liên quan	<u>34.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25.)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/SAM-STL/HĐVV ngày 24/07/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 37.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 27.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2) Hợp đồng tín dụng số 03A/2020/SAM-SAG/HĐVV ngày 10/02/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 7.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	6.590.603.935	-	1.421.155.000	-
Vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽¹⁾	475.786.912.345	-	326.160.581.937	-
Phải thu từ chuyển nhượng vốn ⁽²⁾	105.673.649.500	-	105.780.149.500	-
Phải thu cổ tức	-	-	5.162.500.000	-
Lãi cho vay	3.735.595.837	-	2.763.768.439	-
Phải thu khác	338.602.740	-	50.000.000	-
	592.125.364.357	-	441.338.154.876	-
b) Dài hạn				
Đặt cọc	266.978.880	-	266.978.880	-
Vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽³⁾	1.250.000.000	-	1.250.000.000	-
	1.516.978.880	-	1.516.978.880	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	57.516.615.548	-	28.300.347.602	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25.)

⁽¹⁾ Khoản vốn góp Hợp đồng hợp tác đầu tư trị giá 475.786.912.345 VND với các cá nhân liên quan đến việc ủy thác đầu tư để mua cổ phần doanh nghiệp.

⁽²⁾ Khoản phải thu tiền chuyển nhượng 10 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc SACOM cho các cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong năm 2017 và các phụ lục kèm theo. Số lượng cổ phiếu nêu trên được các bên nhận chuyển nhượng thế chấp lại cho Công ty để đảm bảo khả năng thanh toán. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 13.

⁽³⁾ Khoản vốn góp trị giá 1.250.000.000 VND góp vốn trong Hợp đồng hợp tác đầu tư với cá nhân theo hợp đồng số 12/2018/HĐHT/SAM-VA ngày 25 tháng 7 năm 2018 và phụ lục hợp đồng số 01/12/2018/HĐHT/SAM-VA ngày 10 tháng 9 năm 2019.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Công ty Cổ phần SAM Holdings
 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	11.466.978.282	134.290.000	2.654.682.718	1.418.142.480					15.674.093.480	
- Mua trong kỳ	-	-	2.436.478.182	-					2.436.478.182	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.966.115.091)	-					(1.966.115.091)	
Số dư cuối kỳ	11.466.978.282	134.290.000	3.125.045.809	1.418.142.480					16.144.456.571	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	11.466.978.282	88.993.307	2.654.682.718	1.369.976.709					15.580.631.016	
- Khấu hao trong kỳ	-	13.428.996	40.607.970	8.166.666					62.203.632	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.966.115.091)	-					(1.966.115.091)	
Số dư cuối kỳ	11.466.978.282	102.422.303	729.175.597	1.378.143.375					13.676.719.557	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	-	45.296.693	-	48.165.771					93.462.464	
Tại ngày cuối kỳ	-	31.867.697	2.395.870.212	39.999.105					2.467.737.014	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.490.803.480 đồng.



Công ty Cổ phần SAM Holdings

152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	643.215.041	643.215.041	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.542.706.458	-	-	-	-	-	1.542.706.458	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	87.761.638	726.104.831	726.915.792	-	-	-	-	-	86.950.677	-
Các loại thuế khác	-	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	237.428.904	237.428.904	-	-	-	-	-	-	-
	1.542.706.458		87.761.638	1.611.748.776	1.612.559.737		1.542.706.458				86.950.677	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	316.979.347	-
- Ký quỹ để chuyển nhượng khoản đầu tư ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
- Nhận vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽²⁾	1.016.500.000.000	832.500.000.000
- Chi phí lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	74.480.349.316	40.852.554.794
- Chi phí lãi vay	5.451.092.268	6.585.782.302
- Cổ tức	1.372.031.029	1.372.031.029
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	225.318.859	15.475.578.962
	1.103.345.770.819	901.785.947.087
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	380.000.000	530.000.000
	380.000.000	530.000.000
c) Phải trả khác là các bên liên quan	199.545.042.582	29.302.391.891

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25)

⁽¹⁾ Khoản tiền nhận ký quỹ của Ông Nguyễn Khánh Chiến để chuyển nhượng khoản đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt.

⁽²⁾ Các khoản nhận vốn theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư với tổng giá trị là 1.016.500.000.000 VND, trong đó bao gồm:

- Vốn của các cá nhân với tổng giá trị 835 tỷ đồng để hợp tác đầu tư các dự án mà Công ty đang triển khai. Thời hạn hợp tác là 12 tháng và có thể được điều chỉnh theo nhu cầu thỏa thuận của các bên. Công ty cam kết mức lợi nhuận đầu tư tối thiểu trên vốn đầu tư không thấp hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng thương mại.
- Vốn của Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia với tổng giá trị 181,5 tỷ đồng để hợp tác đầu tư phát triển dự án bất động sản hoặc hoạt động đầu tư tài chính khác mà Công ty đang triển khai. Thời hạn hợp tác là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia từ việc hợp tác đầu tư sẽ do hai bên cùng bàn bạc và thảo luận sau khi kết thúc hợp đồng tùy thuộc vào kết quả hợp tác đầu tư nhưng vẫn đảm bảo không thấp hơn 11%/năm.

10 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là số tiền đã nhận trước từ khách hàng liên quan đến việc cho thuê đất tại địa chỉ đường số 3, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần SAM Holdings

152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

11 . VAY NGẮN HẠN

a) Vay ngắn hạn

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị Số có khả năng trả nợ	
					VND	VND
- Công ty TNHH Sacom Chip Sáng ⁽¹⁾	13.000.000.000	13.000.000.000	-	4.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
- Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom ⁽²⁾	-	-	40.000.000.000	30.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Ông Dương Thành Trung ⁽³⁾	-	-	45.000.007.700	-	45.000.007.700	45.000.007.700
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	-	-	1.380.600	-	1.380.600	1.380.600
- Trái phiếu phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-
	118.000.000.000	118.000.000.000	87.001.388.300	141.500.000.000	63.501.388.300	63.501.388.300

Công ty Cổ phần SAM Holdings

152/1B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

b) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2020		01/01/2020	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	8.500.000.000	119.520.550	13.000.000.000	487.205.479
- Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	-	-	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	Công ty con	-	1.248.399.410	-	1.231.961.053
- Công ty Cổ phần Sacom Tuyển Lâm	Công ty con	-	-	-	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	10.000.000.000	955.951.389	-	438.451.388
		18.500.000.000	2.323.871.349	18.000.000.000	4.157.617.920

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Các hợp đồng tín dụng vay tại công ty TNHH Sacom Chíp sáng bao gồm:

(1.1) Hợp đồng cho vay vốn số 02/2019/SCS-Sam/HĐVV ngày 18/07/2019 và phụ lục hợp đồng số 03/PL-02/2019/SCS-SAM/HĐVV ngày 18/04/2020 với những điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 18/07/2020;
- + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(1.2) Hợp đồng cho vay vốn số 01/2019/SCS-SAM/HĐVV ngày 09/07/2019 và phụ lục hợp đồng số 02/PL-01/2019/SCS-SAM/HĐVV ngày 09/01/2020 với những điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 09/07/2020;
- + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 5.500.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2) Hợp đồng số 01/2020/SAM-SAMLAND/HĐVV ngày 14/02/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động ;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 13/08/2020;
- + Lãi suất cho vay: 6%/ năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(3) Biên bản thỏa thuận ngày 10/05/2020 giữa Công ty Cổ phần SAM Holdings và Ông Dương Thành Trung với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức cho vay: 45.100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 180 ngày;
- + Lãi suất cho vay: 13,5%/ năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020: 45.000.007.700 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Công ty Cổ phần SAM Holdings

152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2019	2.490.362.630.000		142.970.000	32.009.506.028	2.522.515.106.028	
Lãi trong kỳ trước	-		-	16.576.566.686	16.576.566.686	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-	(991.064.923)	(991.064.923)	
Số dư tại ngày 30/06/2019	2.490.362.630.000		142.970.000	47.595.007.791	2.538.100.607.791	
Số dư đầu kỳ này	2.565.045.400.000		142.970.000	3.711.674.565	2.568.900.044.565	
Lãi trong kỳ này	-		-	58.269.966.490	58.269.966.490	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-		-	(800.310.763)	(800.310.763)	
Số dư cuối kỳ này	2.565.045.400.000		142.970.000	61.181.330.292	2.626.369.700.292	

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông.



b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	2.565.045.400.000	2.490.362.630.000
- Vốn góp cuối kỳ	2.565.045.400.000	2.490.362.630.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	1.372.031.029	1.373.514.169
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(1.483.140)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(1.483.140)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	1.372.031.029	1.372.031.029
c) Cổ phiếu		
	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	256.504.540	256.504.540
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	256.504.540	256.504.540
- Cổ phiếu phổ thông	256.504.540	256.504.540
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	256.504.540	256.504.540
- Cổ phiếu phổ thông	256.504.540	256.504.540
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
d) Các quỹ công ty		
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	142.970.000	142.970.000
	142.970.000	142.970.000

13 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

Công ty đang nhận 10 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom từ các cá nhân để đảm bảo khả năng thanh toán cho khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 06.

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu cho thuê	2.689.090.908	430.000.000
Doanh thu khác	90.909.091	-
	2.779.999.999	430.000.000

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Giá vốn dịch vụ cho thuê	-	58.228.752
	-	58.228.752

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.512.052.138	494.968.960
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.992.000.000	52.049.442.500
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	48.856.625	18.153.540.013
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	-	17.457.417.941
	27.552.908.763	88.155.369.414
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25)	26.819.123.288	48.969.391.341

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Lãi tiền vay	4.710.344.215	48.687.030.218
Chi phí từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	33.627.794.520	1.503.671.231
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(91.582.832.500)	11.572.018.122
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	126.531.998	22.627.235
Lỗ từ hoạt động hợp tác đầu tư	19.376.462.500	-
Chi phí tài chính khác	69.630.039	417.633.203
	(33.672.069.228)	62.202.980.009
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25)	6.437.000.006	16.129.302.368

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nhân công	5.821.939.474	5.712.465.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.203.632	129.733.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.027.309.011	2.489.058.527
Chi phí khác bằng tiền	469.492.379	992.079.962
	8.380.944.496	9.323.338.405

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.620.604.590	17.061.588.230
Các khoản điều chỉnh tăng	824.036.877	37.412.961.992
- Chi phí không hợp lệ	824.036.877	686.512.082
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 20/2017	-	36.726.449.910
Các khoản điều chỉnh giảm	(69.691.450.963)	(52.049.442.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(24.992.000.000)	(52.049.442.500)
- Chi phí lãi vay xác định lại theo Nghị định 68/2020	(44.699.450.963)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(13.246.809.496)	2.425.107.722
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	485.021.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.542.706.458)	(404.353.134)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(1.138.353.324)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(1.542.706.458)	(1.057.684.914)

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	2.795.694.696	146.332.796
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.795.694.696	146.332.796

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(2.649.361.900)	-
	(2.649.361.900)	-

21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nhân công	5.821.939.474	5.712.465.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.203.632	129.733.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.027.309.011	2.489.058.527
Chi phí khác bằng tiền	469.492.379	992.079.962
	8.380.944.496	9.323.338.405

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	5.158.122.800	-	55.571.016.531	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	593.642.343.237	-	442.855.133.756	-
Các khoản cho vay	34.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	58.567.429.217	(293.813.880)	343.537.744.467	(156.287.073.560)
Đầu tư dài hạn	682.024.800.000	-	398.400.000.000	-
	<u>1.373.392.695.254</u>	<u>(293.813.880)</u>	<u>1.267.363.894.754</u>	<u>(156.287.073.560)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			63.501.388.300	118.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			1.103.948.407.661	902.318.558.687
Chi phí phải trả			-	2.752.758.948
			<u>1.167.449.795.961</u>	<u>1.023.071.317.635</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Đầu tư ngắn hạn	58.273.615.337	-	-	58.273.615.337
Đầu tư dài hạn	-	682.024.800.000	-	682.024.800.000
	<u>58.273.615.337</u>	<u>682.024.800.000</u>	<u>-</u>	<u>740.298.415.337</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	187.250.670.907	-	-	187.250.670.907
Đầu tư dài hạn	-	398.400.000.000	-	398.400.000.000
	<u>187.250.670.907</u>	<u>398.400.000.000</u>	<u>-</u>	<u>585.650.670.907</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương	5.158.122.800	-	-	5.158.122.800
Phải thu khách hàng, phải thu	592.125.364.357	1.516.978.880	-	593.642.343.237
Các khoản cho vay	34.000.000.000	-	-	34.000.000.000
	<u>631.283.487.157</u>	<u>1.516.978.880</u>	<u>-</u>	<u>632.800.466.037</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương	55.571.016.531	-	-	55.571.016.531
Phải thu khách hàng, phải thu	441.338.154.876	1.516.978.880	-	442.855.133.756
Các khoản cho vay	27.000.000.000	-	-	27.000.000.000
	<u>523.909.171.407</u>	<u>1.516.978.880</u>	<u>-</u>	<u>525.426.150.287</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	63.501.388.300	-	-	63.501.388.300
Phải trả người bán, phải trả khác	1.103.568.407.661	380.000.000	-	1.103.948.407.661
	<u>1.167.069.795.961</u>	<u>380.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.167.449.795.961</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	118.000.000.000	-	-	118.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	901.788.558.687	530.000.000	-	902.318.558.687
Chi phí phải trả	2.752.758.948	-	-	2.752.758.948
	<u>1.022.541.317.635</u>	<u>530.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.023.071.317.635</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	87.001.388.300	158.800.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	141.500.000.000	156.277.922.914

24 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 11)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2020	2019
		VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		114.965.090	-
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	15.784.908	
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	36.720.000	
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	62.460.182	
Lãi cho vay		1.839.123.288	461.948.841
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	261.890.412	151.483.563
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	-	310.465.278
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	1.577.232.876	-
Cổ tức		24.980.000.000	48.507.442.500
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	24.980.000.000	29.976.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	-	15.082.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết	-	3.448.942.500
Chi phí lãi vay		860.602.744	16.129.302.368
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	16.438.357	641.342.466
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	-	1.503.671.231
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	517.500.001	287.505.422
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	-	13.696.783.249
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	31.849.315	-
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	294.815.071	-
Nhận góp vốn hợp tác đầu tư		184.000.000.000	55.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	184.000.000.000	55.000.000.000
Lãi hợp tác đầu tư phải trả		5.576.397.262	-
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	5.576.397.262	-
Nhận nợ vay		42.000.000.000	58.800.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	2.000.000.000	48.800.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	40.000.000.000	10.000.000.000
Trả nợ vay		37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	30.000.000.000	-
Cho vay		19.000.000.000	29.500.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	7.000.000.000	29.500.000.000
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	12.000.000.000	-



Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2020	2019
		VND	VND
Thu lại tiền cho vay		12.000.000.000	29.500.000.000
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	12.000.000.000	29.500.000.000
Chuyển tiền hợp tác đầu tư		9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	9.000.000.000	-
Tạm ứng		5.950.000.000	2.000.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	5.950.000.000	2.000.000.000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
		30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		34.000.000.000	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ Cao	Công ty con	7.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác		56.266.615.548	27.050.347.602
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	14.800.000.000	-
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	29.150.220.000	19.500.000.000
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	-	5.162.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	1.145.292.808	1.145.292.808
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	1.577.232.876	878.726.027
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	9.593.869.864	363.828.767
Phải thu dài hạn khác		1.250.000.000	1.250.000.000
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	1.250.000.000	1.250.000.000
Phải trả khác ngắn hạn		199.545.042.582	29.302.391.891
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	955.951.389	15.438.451.388
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	1.248.399.410	1.231.961.053
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	119.520.550	487.205.479
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	197.221.171.233	10.144.773.971
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2020	2019
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		842.072.310	842.072.310
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		1.294.989.522	1.292.612.708

26 . CAM KẾT VỀ BẢO LÃNH

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cam kết bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom, công ty con của Công ty, đối với các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom tại các ngân hàng.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



Lý Thị Nhã Hạnh
Người lập



Võ Nữ Từ Anh
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2020

